

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày 06/01/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 21/01/2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2021/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2021/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sĩ H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Phường X, thành phố T, tỉnh Long An

(Văn bản uỷ quyền ngày 23/06/2021)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V – Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/02/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M (gọi tắt là Công ty M) có trao đổi với ông Nguyễn Văn V là giám đốc Công ty T về việc Công ty M sẽ cung cấp bê tông để xây dựng công trình nhà xưởng tại xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An nên Công ty M có lập Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm với Công ty T(gọi tắt là Công ty T) với giá trị hợp đồng là: Giá bê tông M150 là 1.000.000 đồng/m³, M200 là 1.050.000 đồng/m³, M250 là 1.100.000 đồng/m³, M300 là 1.150.000 đồng/m³. Giá bơm

bê tông là 90.000 đồng/m³ áp dụng cho mỗi lần bơm $\geq 23 \text{ m}^2$ và 2.500.000 đồng/ca áp dụng cho mỗi lần bơm $\geq 25 \text{ m}^2$, hình thức thanh toán là chuyển khoản hoặc trả tiền mặt, vào ngày 15, 30 hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng bê tông đã giao và chốt khối lượng để làm căn cứ làm hồ sơ thanh toán. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ thanh toán thì Công ty T phải thanh toán 100% giá trị khối lượng đã đối chiếu. Nếu vì lý do nào đó mà Công ty T không đối chiếu được khi Công ty M mang hồ sơ đến đối chiếu thì Công ty T phải chấp nhận số liệu theo Biên bản xác nhận khối lượng mà cán bộ công trường đã ký nhận. Sau 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán nhưng vì lý do nào đó do lỗi bên Công ty T không thanh toán thì Công ty M tạm ngừng cung cấp bê tông. Công ty M đã gửi Hợp đồng trên cho Công ty T, tuy nhiên Đại diện theo pháp luật của Công ty T chưa ký tên và để thực hiện Hợp đồng trên từ ngày 26/02/2020 đến ngày 06/9/2020 Công ty M đã thực hiện 11 lần đối chiếu giá trị khối lượng với tổng số tiền 3.964.560.000 đồng. Công ty T đã trả tiền mặt và chuyển khoản cho Công ty M với số tiền 1.913.985.000 đồng. Số tiền Công ty T chưa thanh toán cho Hợp đồng trên là 2.050.575.000 đồng. Số tiền nợ này được thể hiện Biên bản đối chiếu và xác nhận Công nợ ngày 06/9/2020 và ông Nguyễn Văn V là người đại diện theo pháp luật của Công ty T đã xác nhận và hẹn đến ngày 27/9/2020 sẽ trả trước cho Công ty M 1.000.000.000 đồng và phần còn lại hẹn đến ngày 07/10/2020 sẽ kiểm tra quyết toán và trả số tiền còn lại. Tuy nhiên, từ ngày 27/9/2020 đến nay Công ty T vẫn chưa trả số tiền còn nợ là 2.050.575.000 đồng. Do đó, Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử buộc Công ty T trả cho Công ty M số tiền còn nợ là 2.050.575.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ 07/10/2020 đến ngày 07/12/2020 với số tiền 61.517.250 đồng và tiếp tục trả lãi chậm thanh toán từ ngày 08/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Công ty T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, Đại diện theo pháp luật của Công ty T không đến Tòa án mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty M là ông Lê Sĩ H trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty T có trách nhiệm trả trả cho Công ty M số tiền còn nợ là 2.050.575.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 9%/năm từ 07/10/2020 đến ngày 06/01/2022 với số tiền 230.689.687 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty T có trách nhiệm trả trả cho Công ty M là 2.281.264.687 đồng.

Đại diện theo pháp luật của Công ty T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty M khởi kiện Công ty T yêu cầu trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm lập ngày 26/02/2020 là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Công ty T có trụ sở tại địa chỉ : xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã doanh số 1101842660 thì Công ty M, đăng ký lần đầu là ngày 09/02/2017 thì người đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1952, Giám đốc và Công ty có trụ sở tại địa chỉ : xã A, huyện B, tỉnh Long An và theo Giấy xác nhận về việc thay nội dung đăng ký kinh doanh của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An thì Công ty M thì ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, Mã 2395..

[3] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0312104519 thì Công ty T, đăng ký lần đầu là ngày 02/01/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 là ngày 15/9/2017 thì người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1975, Giám đốc và Công ty có trụ sở tại địa chỉ : xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty M có mặt, bị đơn Công ty T vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Ngày 26/02/2020 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M (gọi tắt là Công ty M) lập Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 2602/2020/HĐBT-MQ với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T (gọi tắt là Công ty T) về việc Công ty M sẽ cung cấp bê tông để xây dựng công trình nhà xưởng tại xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An và nội dung như sau: ... Giá bê tông M150 là 1.000.000 đồng/m³, M200 là 1.050.000 đồng/m³, M250 là 1.100.000 đồng/m³, M300 là 1.150.000 đồng/m³. Giá bơm bê tông là 90.000 đồng/m³ áp dụng cho mỗi lần bơm ≥ 23 m² và 2.500.000 đồng/ca áp dụng cho mỗi lần bơm ≥ 25 m², hình thức thanh toán là chuyển khoản hoặc trả tiền mặt, vào ngày 15, 30 hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng bê tông đã giao và chốt khối lượng để làm căn cứ làm hồ sơ thanh toán. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ thanh toán thì Công ty T phải thanh toán 100% giá trị khối lượng đã đối chiếu. Nếu vì lý do nào đó mà Công ty T không đối chiếu được khi Công ty M mang hồ sơ đến đối chiếu thì Công ty T phải chấp nhận số liệu theo Biên bản xác nhận khối lượng mà cán bộ công trường đã ký nhận. Sau 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán nhưng vì lý do nào đó do lỗi bên Công ty T không thanh toán thì Công ty M tạm ngừng cung cấp bê tông. Hợp đồng này Công ty M đã ký và đóng dấu và giao cho Công ty T ký tên và đóng dấu nhưng Công ty T chưa ký tên và đóng dấu. Tuy nhiên, Công ty M vẫn tiến hành giao bê tông theo thoả thuận. Từ ngày 26/02/2020 đến ngày 06/9/2020, Công ty M thực hiện hiện xong khối lượng bê tông và bơm bê tông cho Công ty T theo như Hợp đồng.

[5.2] Mặc dù, Hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm số 2602/2020/HĐBT-MQ do Công ty M lập ngày 26/02/2020 Công ty M đã ký tên đóng dấu và Công ty T chưa ký tên và đóng dấu là chưa phát sinh hiệu lực Hợp đồng nhưng Công ty M vẫn tiến hành bán và giao bê tông theo thoả thuận và việc này được chứng minh qua các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ như theo các Biên bản đối chiếu giá trị khối lượng bê tông và bơm bê tông thì từ 29/02/2020 đến ngày 14/3/2020, số tiền là 184.330.000 đồng; từ ngày 17/3/2020 đến ngày 24/3/2020, số tiền là 309.960.000 đồng; từ ngày 02/4/2020 đến ngày 15/4/2020, số tiền là 123.510.000 đồng; ngày 11/6/2020, số tiền là 60.000.000 đồng; ngày 18/6/2020, số tiền là 14.280.000 đồng; từ ngày 16/6/2020 đến ngày 28/6/2020, số tiền là 207.680.000

đồng; ngày 08/7/2020, số tiền là 48.100.000 đồng; ngày 07/8/2020, số tiền là 27.910.000 đồng; từ ngày 21/8/2020 đến ngày 24/8/2020, số tiền là 1.439.340.000 đồng; ngày 28/8/2020, số tiền là 1.436.870.000 đồng; từ ngày 05/9/2020 đến ngày 06/9/2020, số tiền là 100.400.000 đồng. Tổng số tiền Công ty T phải thanh toán là 3.964.560.000 đồng. Công ty T đã thanh toán là 1.913.985.000 đồng, cụ thể là ngày 31/3/2020 chuyển khoản 499.835.000 đồng; ngày 11/6/2020 trả tiền mặt số tiền 60.000.000 đồng; 18/6/2020 trả tiền mặt 14.280.000 đồng; ngày 27/6/2020 trả tiền mặt là 12.180.000 đồng; ngày 08/7/2020 trả tiền mặt là 27.910.000 đồng; ngày 16/7/2020 chuyển khoản 199.945.000 đồng; ngày 24/8/2020 chuyển khoản 500.000.000 đồng; ngày 27/8/2020 chuyển khoản 599.835.000 đồng. Công ty M đã xuất hoá đơn giá trị gia tăng chưa tính thuế VAT vào các ngày 27/3/2020, giá trị 167.572.727 đồng ; ngày 07/4/2020, giá trị 281.781.818 đồng; ngày 20/4/2020, giá trị 112.281.819 đồng ; ngày 25/6/2020, giá trị 17.927.273 đồng; ngày 26/6/2020, giá trị 17.927.273 đồng; ngày 27/6/2020, giá trị 18.009.091 đồng; ngày 29/6/2020, giá trị là 13.663.637 đồng. Số tiền Công ty T còn nợ Công ty M là 2.050.575.000 đồng. Tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ lập ngày 06/9/2020. Ông Nguyễn Văn V, giám đốc Công ty T, xác nhận số tiền còn nợ Công ty M là 2.050.575.000 đồng và ông V hẹn ngày 27/9/2020 sẽ thanh toán trước cho Công ty M số tiền 1.000.000.000 đồng, phần còn lại đến ngày 07/10/2020 sẽ kiểm tra quyết toán và thanh toán.

[5.3] Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T đã được Toà án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Toà án đã tiến hành thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và triệu tập tham gia phiên toà đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[5.4] Xét yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M yêu cầu Công ty T trả số tiền còn nợ là 2.050.575.000 đồng , Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[5.5] Xét yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T trả số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 9%/năm từ 07/10/2020 đến ngày 06/01/2022 với số tiền 230.689.687 đồng. Việc Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M chỉ yêu cầu Công ty T trả số tiền lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định 9%/năm là có lợi cho bị đơn Công ty T. Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại 2005, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T phải chịu là 77.625.294 (Bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi bốn) đồng và nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11, 34, 50, 55, 300, 301 và Điều 305 Luật Thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 2.050.575.000 (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 9%/năm từ 07/10/2020 đến ngày 06/01/2022 với số tiền 230.689.687 (Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi bảy) đồng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Đầu tư Xây Dựng T phải chịu là 77.625.294 (Bảy mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi bốn) đồng và nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M số tiền 37.120.922 đồng mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê tông M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0080852 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Toàn